

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 36

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (sau đây được gọi là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Thành viên:

Ông Đinh Việt Thắng	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiên	Thành viên
Ông Bùi Trọng Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thược	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc:

Ông Phạm Việt Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Bình	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2016
Ông Nguyễn Văn Thăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hữu Gia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2016

#### Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Quỳnh Hà	Trưởng Ban tài chính, Kế toán trưởng
---------------------	--------------------------------------

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 15/03/2017, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

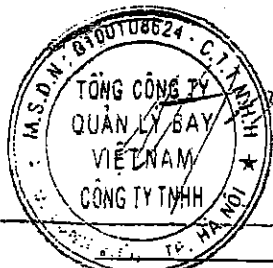
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.048.722.940.765</b>	<b>1.630.371.369.267</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	750.258.301.221	813.967.324.645
Tiền	111		706.723.526.563	626.446.228.161
Các khoản tương đương tiền	112		43.534.774.658	187.521.096.484
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		631.770.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	631.770.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		632.540.430.276	751.591.808.981
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	558.144.604.838	645.936.250.831
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.263.525.745	37.286.631.341
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	48.778.823.261	71.499.927.153
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.646.523.568)	(3.131.000.344)
Hàng tồn kho	140	8	19.055.202.499	31.462.224.037
Hàng tồn kho	141		19.290.351.157	31.658.879.886
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(235.148.658)	(196.655.849)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.099.006.769	33.350.011.604
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	7.446.150.225	31.131.541.489
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.474.311.073	1.555.550.813
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	4.178.545.471	662.919.302
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.752.035.441.309</b>	<b>2.040.809.208.933</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		17.070.902	17.070.902
Phải thu dài hạn khác	216	7	17.070.902	17.070.902
Tài sản cố định	220		1.653.346.497.657	1.852.998.814.259
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.552.349.436.368	1.758.570.827.304
- Nguyên giá	222		3.853.634.761.441	3.564.188.887.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.301.285.325.073)	(1.805.618.060.010)
Tài sản cố định vô hình	227	11	100.997.061.289	94.427.986.955
- Nguyên giá	228		150.143.177.914	127.248.158.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.146.116.625)	(32.820.171.769)
Tài sản dở dang dài hạn	240	9	72.323.305.593	165.670.416.613
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		72.323.305.593	165.670.416.613
Tài sản dài hạn khác	260		26.348.567.157	22.122.907.159
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.545.226.947	2.369.155.036
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		22.803.340.210	19.753.752.123
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.800.758.382.074</b>	<b>3.671.180.578.199</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.958.895.913.608	2.292.742.007.475
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	26.650.939.094	20.296.491.519
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.932.244.974.514	2.272.445.515.956
Giá vốn hàng bán	11	22	2.068.031.088.946	1.597.932.985.788
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		864.213.885.568	674.512.530.168
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	36.803.598.451	40.404.213.207
Chi phí tài chính	22	24	5.743.506.025	7.665.953.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	25	143.320.075	(110.170.102)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	47.759.000.607	41.391.602.602
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		847.371.657.312	665.969.357.045
Thu nhập khác	31	26	15.016.945.107	2.359.240.949
Chi phí khác	32	27	14.252.680.071	13.165.393.073
Lợi nhuận khác	40		764.265.036	(10.806.152.124)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		848.135.922.348	655.163.204.921
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	171.874.383.176	147.004.608.535
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	16.155.545
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		676.261.539.172	508.142.440.841
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		676.261.539.172	508.142.440.841



Phạm Việt Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Quỳnh Hà  
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Hoa  
Người lập

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
	VND	VND	VND	VND
Thuế	39.357.285.985	329.259.037.584	300.922.760.472	67.693.563.097
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.596.356.926	47.477.935.420	54.944.519.607	(870.227.261)
Trong công ích	1.801.792.617	33.171.397.217	38.488.816.003	(3.515.626.169)
Ngoài công ích tại Tổng Công ty	(308.973.396)	250.992.423	250.992.423	(308.973.396)
Ngoài công ích tại miền Nam	201.514.321	807.991.631	837.493.917	172.012.035
Ngoài công ích tại Công ty con	4.902.023.384	13.247.554.149	15.367.217.264	2.782.360.269
Thuế GTGT hàng NK	-	1.435.407.086	1.435.407.086	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	51.849.718	51.849.718	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.073.411.958	173.257.816.208	167.305.664.889	38.025.563.277
Thuế đất phi nông-nghiệp	-	31.414.949.944	31.414.949.944	-
Tiền thuế đất	-	856.663.056	856.663.056	-
Các khoản thuế khác	687.517.101	74.764.416.152	44.913.706.172	30.538.227.081
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.041.463.007	63.958.215.184	34.107.505.204	30.892.172.987
Các loại thuế khác	(353.945.906)	10.793.200.968	10.793.200.968	(353.945.906)
Các khoản phải nộp khác	456.315.024.356	1.908.258.952.947	1.994.600.644.468	369.973.332.835
Các khoản phí, lệ phí	427.424.898.667	1.638.022.536.874	1.759.710.113.625	305.737.321.916
Thu lợi nhuận sau thuế	28.890.125.689	265.916.844.163	230.570.958.933	64.236.010.919
Nộp khác	-	4.319.571.910	4.319.571.910	-
<b>Cộng</b>	<b>495.672.310.341</b>	<b>2.237.517.990.531</b>	<b>2.295.523.404.940</b>	<b>437.666.895.932</b>



Phạm Việt Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Quỳnh Hà  
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Hoa  
Người lập

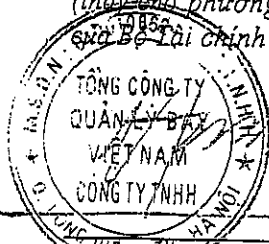
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	848.135.922.348	655.163.204.921
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	518.753.274.139	284.162.337.924
Các khoản dự phòng	03	554.775.635	654.582.819
(Lãi)/Mô các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	789.459.895	(6.782.166.637)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(21.171.401.231)	(11.463.635.834)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.347.062.030.786	921.734.323.193
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	110.051.880.965	52.794.160.690
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.368.528.729	98.693.130.531
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(119.045.305.610)	(30.207.859.990)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	22.509.319.353	(24.069.160.349)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(167.305.664.889)	(128.890.269.175)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.688.004.899	2.299.019.551.641
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(464.518.992.430)	(2.570.341.414.946)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	742.809.801.803	618.732.461.595
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(215.005.879.038)	(359.092.731.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29.809.091	2.112.996.692
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(631.770.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	13.844.048.444
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.141.592.140	11.373.017.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(825.604.477.807)	(331.762.668.821)
Tiền thu từ đi vay	33	23.975.112.475	9.587.815.697
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.100.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.875.112.475	9.587.815.697
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(62.919.563.529)	296.557.608.471
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	813.967.324.645	516.564.205.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(789.459.895)	845.510.881
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	750.258.301.221	813.967.324.645

(\*): Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp (thay cho phương pháp trực tiếp) theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Việt Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Quỳnh Hà  
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Hoa  
Người lập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Bảo đảm hoạt động bay Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108624 ngày 30/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 09/08/2016.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là: 2.552.746.000.000 đồng (Hai nghìn năm trăm năm mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Theo Quyết định số 1237/QĐ-BGTVT ngày 22/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải, vốn điều lệ của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam đến ngày 31/12/2018 là 3.138.401.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm linh một triệu đồng), sẽ được bổ sung từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp trích lập từ lợi nhuận sau thuế các năm 2016, 2017, 2018 và phần dư Quỹ đầu tư phát triển năm 2015.

Bộ Giao thông Vận tải được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ đảm bảo hoạt động bay;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
  - + Thiết kế kiến trúc công trình;
  - + Thiết kế nội, ngoại thất công trình;
  - + Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
  - + Thiết kế hệ thống điện công trình sân bay;
  - + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
  - + Thiết kế hệ thống điện điều khiển, mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng sân bay;
  - + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình dân dụng và công nghiệp;
  - + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
  - + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
  - + Giám sát công tác lắp đặt mạng thông tin liên lạc trong công trình;
  - + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

Đối với các vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay, căn cứ văn bản số 6951/BTC-TCĐN ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính và văn bản số 7512/BGTVT-TC ngày 12/6/2015 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng Quy chế quản lý vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay và áp dụng, cụ thể như sau:

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại trên 01 năm và các vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) mua sắm theo dự án đầu tư sẽ ghi tăng vào nguyên giá của hệ thống tài sản và được quản lý, theo dõi, sử dụng và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 02 năm.

Đối với vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ quản lý là công cụ, dụng cụ điều hành bay phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

- Phí bay qua vùng trời Việt Nam là khoản thu thuộc Ngân sách nhà nước, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thu phí, nộp 100% vào Ngân sách Trung ương theo quy định tại Thông tư 196/2015/TT-BTC ngày 01/12/2015 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay Việt Nam, dịch vụ điều hành bay đi, đến; điều hành bay nội địa và dịch vụ khác được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

**3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tổng Công ty tổ chức theo dõi các doanh thu, chi phí theo hai bộ phận: Trong công ích và ngoài công ích.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. **PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu người lao động - tạm ứng	48.778.823.261	-	71.499.927.153	-
- Ký cược, ký quỹ	1.497.454.271	-	1.836.556.710	-
- Bồi thường từ các Công ty Bảo hiểm	25.593.662.701	-	57.223.168.132	-
- Chi phí đi chuyển ATCC hộ Ban quản lý Dự án	1.168.256.513	-	1.524.326.649	-
- Các khoản bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.664.852.035	-	3.493.635.727	-
- Phải thu thuế TNCN	2.941.200.124	-	248.304.182	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.300.595.431	-	2.464.325.485	-
- Các khoản phải thu khác	8.637.772.295	-	2.049.555.556	-
	2.975.029.891	-	2.660.054.712	-
<b>Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	17.070.902	-	17.070.902	-
	17.070.902	-	17.070.902	-
	<b>48.795.894.163</b>	-	<b>71.516.998.055</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Dự án đầu tư và khai thác các trạm VHF/VSAT Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	72.323.305.593	72.323.305.593	165.670.416.613	165.670.416.613
Thiết bị dò tìm hộp đen	11.269.350.551	11.269.350.551	25.642.396.081	25.642.396.081
Nhập khẩu thiết bị MUX 2200E và HT QL VSAT THAICOM	1.390.000.000	1.390.000.000	-	-
Đầu tư 03 phòng lab (Miền Bắc)	5.454.891.285	5.454.891.285	-	-
Trung tâm KSKL ATCC/HN	1.557.187.727	1.557.187.727	-	-
Dự án cơ sở kinh doanh dịch vụ tại Trung tâm văn hóa Hàng không	1.112.386.357	1.112.386.357	-	-
Đài KSKL Thọ Xuân	11.815.272.206	11.815.272.206	11.815.272.206	11.815.272.206
Phòng lab (Miền Trung)	2.899.604.206	2.899.604.206	-	-
Thi công XL tuyến cáp quang AACCC/TWR TSN-BQ	1.420.090.909	1.420.090.909	-	-
Dự án Đài kiểm soát không lưu CHKQT Cát Bi	1.190.823.099	1.190.823.099	-	-
Dự án trạm Rada Sơn Trà	11.190.308.400	11.190.308.400	31.374.361.653	31.374.361.653
Nhà điều hành Công ty Quản lý Bay Miền Trung	6.678.040.130	6.678.040.130	82.182.671.714	82.182.671.714
Các dự án khác	-	-	3.017.311.500	3.017.311.500
	15.232.964.366	15.232.964.366	11.638.403.459	11.638.403.459
	<b>72.323.305.593</b>	<b>72.323.305.593</b>	<b>165.670.416.613</b>	<b>165.670.416.613</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2016	118.629.368.475	8.618.790.249	127.248.158.724
- Đầu tư XDCB hoàn thành	19.035.368.423	3.447.378.040	22.482.746.463
- Mua trong năm	185.000.000	-	185.000.000
- Tăng do nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	227.272.727	-	227.272.727
31/12/2016	<u>138.077.009.625</u>	<u>12.066.168.289</u>	<u>150.143.177.914</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2016	29.829.310.708	2.990.861.061	32.820.171.769
- Khấu hao trong năm	15.384.841.988	751.708.931	16.136.550.919
- Tăng do nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	189.393.937	-	189.393.937
31/12/2016	<u>45.403.546.633</u>	<u>3.742.569.992</u>	<u>49.146.116.625</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2016	<u>88.800.057.767</u>	<u>5.627.929.188</u>	<u>94.427.986.955</u>
31/12/2016	<u>92.673.462.992</u>	<u>8.323.598.297</u>	<u>100.997.061.289</u>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.755.019.875 đồng.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016 <u>VND</u>	01/01/2016 <u>VND</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.446.150.225</b>	<b>31.131.541.489</b>
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.179.730.350	24.147.869.274
- Phí bảo hiểm tài sản, trách nhiệm người điều hành bay	438.082.552	4.124.999.855
- Thuê kênh vệ tinh	-	2.298.425.623
- Phí CANSO 2017	403.314.074	-
- Các khoản khác	425.023.249	560.246.737
<b>Dài hạn</b>	<b>3.545.226.947</b>	<b>2.369.155.036</b>
- Chi phí mua bảo hiểm	-	1.595.726.381
- Phí tần số vô tuyến điện	791.781.877	487.413.642
- Các khoản khác	2.753.445.070	286.015.013
	<u>10.991.377.172</u>	<u>33.500.696.525</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.905.330.322	48.913.342.506	52.864.300.524	2.954.372.304
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	51.849.718	51.849.718	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.073.411.958	173.257.816.208	167.305.664.889	38.025.563.277
- Thuế thu nhập cá nhân	1.041.463.007	63.958.215.184	34.107.505.204	30.892.172.987
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	32.271.613.000	32.271.613.000	-
- Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	10.793.200.968	10.793.200.968	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	456.315.024.356	1.908.258.952.947	1.994.600.644.468	369.973.332.835
	<b>496.335.229.643</b>	<b>2.237.517.990.531</b>	<b>2.292.007.778.771</b>	<b>441.845.441.403</b>
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	308.973.396	-	3.515.626.169	3.824.599.565
- Thuế khác	353.945.906	-	-	353.945.906
	<b>662.919.302</b>	<b>-</b>	<b>3.515.626.169</b>	<b>4.178.545.471</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (1)	29.896.228.832	29.896.228.832	23.975.112.475	4.100.000.000	10.021.116.357	10.021.116.357
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	29.739.918.932	29.739.918.932	23.818.802.575	4.100.000.000	10.021.116.357	10.021.116.357
	156.309.900	156.309.900	156.309.900	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.896.228.832</b>	<b>29.896.228.832</b>	<b>23.975.112.475</b>	<b>4.100.000.000</b>	<b>10.021.116.357</b>	<b>10.021.116.357</b>

(1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Hội sở chính theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02414448/DNTDH ký ngày 30/05/2014 với các điều khoản:

- Mức dư nợ vay tối đa : 68.728.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Tài trợ Dự án Xây dựng Đài Kiểm soát không lưu Tuy Hòa;
- Thời hạn trả nợ gốc: 06 tháng/lần, kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn gốc;
- Thời hạn trả nợ lãi: 06 tháng/lần, kể từ kết thúc thời gian ân hạn lãi;
- Lãi suất trong thời hạn vay được xác định như sau: Lãi suất được thỏa thuận cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ của mỗi lần giải ngân;
- Hình thức đảm bảo của hợp đồng vay: Tín chấp.

(2) Khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/HĐTĐ/VBD-VATM ký ngày 25/05/2016 với các điều khoản:

- Mức dư nợ vay tối đa: 114.364.078.071 đồng, nhưng tối đa không vượt quá 86.6% tổng mức đầu tư của Dự án chưa bao gồm VAT;
- Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư và bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà Bên vay đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Trạm radar thứ cấp Quy Nhơn”;
- Thời hạn trả nợ gốc: 06 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày tròn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Thời hạn trả nợ lãi: 06 tháng/lần, kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất trong thời hạn vay được xác định như sau: Lãi suất được thỏa thuận cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ của mỗi lần giải ngân;
- Hình thức đảm bảo của hợp đồng vay: Tín chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty là: 2.552.746.000.000 đồng (Hai nghìn năm trăm năm mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Theo Quyết định số 1237/QĐ-BGTVT ngày 22/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải, vốn điều lệ của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam là 3.138.401.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm linh một triệu đồng).

**18.3 CÁC QUỸ**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	776.510.160.066	576.590.098.701

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	47.873.078.904	29.076.226.706
Ngoại tệ các loại		
- Ngoại tệ Euro	7.267,48	729.502,71
- Ngoại tệ USD	8.559.796,95	11.738.402,58

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu trong công ích	2.886.892.987.210	2.197.028.638.648
Điều hành bay qua	1.337.840.469.521	960.987.659.553
Điều hành bay đi đến	1.010.973.621.953	826.824.446.875
Điều hành bay quốc nội	535.782.220.475	403.590.406.738
Doanh thu khác trong công ích	2.296.675.261	5.626.125.482
Doanh thu ngoài công ích	72.002.926.398	95.713.368.827
Doanh thu bán hàng	13.941.002.410	17.686.158.878
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.061.923.988	78.027.209.949
	<u>2.958.895.913.608</u>	<u>2.292.742.007.475</u>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giảm giá dịch vụ điều hành bay	26.650.939.094	20.296.491.519
	<u>26.650.939.094</u>	<u>20.296.491.519</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ tiền đền bù và bồi thường	1.240.240.738	1.390.690.480
Thu nhập từ thanh lý	29.809.091	104.164.246
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, điện, nước	722.267.205	214.090.906
Phạt vi phạm hợp đồng	2.034.489.952	31.923.047
Thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	4.431.982.000	-
Nhận thiết bị MUX 2200E và VSAT của Thaicom - ATTECH	5.377.059.600	-
Thu nhập khác	1.181.096.521	618.372.270
	<b>15.016.945.107</b>	<b>2.359.240.949</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị CCDC thanh lý	3.968.290.349	-
Chi phí di dời trụ sở tại Miền Trung	3.058.111.500	-
Giá trị còn lại TSCĐ	14.788.799	1.578.970.223
Chi phí công tác chuẩn bị đầu tư dự án nay không thực hiện nữa của dự án "Tổ hợp dịch vụ kỹ thuật, văn phòng thương mại 58 Trường Sơn"	-	1.774.926.024
Các khoản chi phí khác	7.211.489.423	9.811.496.826
	<b>14.252.680.071</b>	<b>13.165.393.073</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	848.135.922.348	655.163.204.921
Điều chỉnh cho lợi nhuận năm hiện hành		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	12.607.470.873	19.448.650.850
<i>Chi phí không được trừ tại Tổng Công ty</i>	<i>4.315.710.173</i>	<i>10.045.860.926</i>
<i>Chi phí không được trừ tại Công ty con</i>	<i>5.575.945.719</i>	<i>5.880.661.062</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước, năm nay đã thực hiện</i>	<i>2.715.814.981</i>	<i>3.522.128.862</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.371.477.345	6.409.089.712
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm</i>	<i>1.168.713.924</i>	<i>5.995.906.101</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế của Công ty con</i>	<i>202.763.421</i>	<i>-</i>
<i>Lãi chưa thực hiện năm trước</i>	<i>-</i>	<i>413.183.611</i>
Lợi nhuận trước thuế năm hiện hành	859.371.915.877	668.202.766.059
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>171.874.383.176</b>	<b>147.004.608.535</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành hàng không và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là Báo cáo chính yếu. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực hoạt động:

Năm 2016	Trong công ích	Ngoài công ích	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	3.049.304.854.940	72.002.926.398	(189.062.806.824)	2.932.244.974.514
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.049.304.854.940</i>	<i>72.002.926.398</i>	<i>-</i>	<i>2.932.244.974.514</i>
Chi phí bộ phận	2.100.469.115.633	156.624.780.137	(189.062.806.824)	2.068.031.088.946
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	948.835.739.307	(84.621.853.739)	189.062.806.824	864.213.885.568
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(47.902.320.682)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				816.311.564.886
Doanh thu hoạt động tài chính				36.803.598.451
Chi phí tài chính				(5.743.506.025)
Thu nhập khác				15.016.945.107
Chi phí khác				(14.252.680.071)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(171.874.383.176)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<i>676.261.539.172</i>
<b>Năm 2015</b>	<b>Trong công ích</b>	<b>Ngoài công ích</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	2.300.197.088.589	95.713.368.827	(123.464.941.460)	2.272.445.515.956
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.300.197.088.589</i>	<i>95.713.368.827</i>	<i>-</i>	<i>2.272.445.515.956</i>
Chi phí bộ phận	1.700.774.207.920	20.623.719.328	(123.464.941.460)	1.597.932.985.788
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	599.422.880.669	75.089.649.499	123.464.941.460	674.512.530.168
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(41.281.432.500)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				633.231.097.668
Doanh thu hoạt động tài chính				40.404.213.207
Chi phí tài chính				(7.665.953.830)
Thu nhập khác				2.359.240.949
Chi phí khác				(13.165.393.073)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(147.004.608.535)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(16.155.545)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<i>508.142.440.841</i>